TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 11 - 2019
V/v: xin ly hôn; nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Thanh Học.

2. Ông Trương Thế Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Bà Lâm Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp xin ly hôn; nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ái X, sinh năm 1997.

Địa chỉ: khu phố C1, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp C, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Dương Hồng Tây T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp H, xã T, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2019 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Ái X trình bày: Tôi và anh Dương Hồng Tây T tìm hiểu thương yêu nhau trước; được gia đình 02 bên chấp thuận tổ chức lễ cưới vào năm 2014; có đăng ký và được Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/8/2015. Sau khi cưới vợ chồng chung sống cũng có đầm ấm,

hạnh phúc. Đến năm 2017 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên nhậu nhẹt về cự cãi, đánh nhau; anh Tây T không quan tâm, bỏ bê vợ con; làm cho tinh thần tôi bị suy sụp. Đến cuối năm 2017 cả hai sống ly thân không còn quan tâm nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn; tôi yêu cầu Tòa án xét cho tôi được ly hôn đối với anh Dương Hồng Tây T.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung là Dương Ngọc Xuân Y, sinh ngày 19/10/2014-giới tính: nữ; hiện con đang chung sống với tôi và do tôi trực tiếp nuôi dưỡng. Khi được ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh Tây T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng chung sống không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Nguyên đơn chị Trần Thị Ái X: Tôi không có ý kiến tranh luận.

Bị đơn anh Dương Hồng Tây T vắng mặt: (không có ý kiến thể hiện việc tranh luận).

Ý kiến của Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, Nguyên đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng quy định của pháp luật; riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Trần Thị Ái X được ly hôn đối với anh Dương Hồng Tây T. Về con chung giao cháu Dương Ngọc Xuân Y, sinh ngày 19/10/2014, giới tính: nữ cho chị Trần Thị Ái X trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận việc chị Ái X không có yêu cầu anh Tây T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có và không tranh chấp, nên không phải giải quyết trong cùng vụ án. Buộc chị Ái X chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc chị Trần Thị Ái X tranh chấp xin ly hôn đối với anh Dương Hồng Tây T có nơi cư trú tại ấp H, xã T, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; nên được xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Việc Tòa án tiến hành các trình tự thủ tục tố tụng về thụ lý vụ án; xem xét xác minh thu thập tài liệu chứng cứ và thông báo để các bên đương sự tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải đều được kịp thời và đúng quy định của pháp luật; khi bị đơn vắng mặt tại phiên họp Tòa án Thông báo kết quả phiên họp cho họ theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đảm bảo sự có mặt tham gia xét xử của đại diện Viện kiểm sát và trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm.

[3] Việc mở phiên tòa xét xử anh Dương Hồng Tây T cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; anh Tây T không có yêu cầu phản tố, nên tiến hành xét xử vắng mặt anh Tây T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ái X và anh Dương Hồng Tây T có tìm hiểu thương yêu nhau trước khoảng 6 tháng; được cha mẹ hai bên chấp thuận tổ chức lễ cưới và được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Theo chị Ái X trình bày thời gian đầu anh chị chung sống được đầm ấm, hạnh phúc; sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫu do anh Tây T thường xuyên nhậu nhẹt, cự cãi, đánh nhau; không quan tâm đến vợ con và sống ly thân từ cuối năm 2017. Quá trình giải quyết vụ án chị Ái X cương quyết xin ly hôn anh Tây T. Anh Tây T không hợp tác và tham gia các gia đoạn tố tụng của vụ án nhưng tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa chị Ái X và anh Tây T không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần giải quyết cho chị Ái X được ly hôn đối với anh Tây T.

[5] Về con chung: Chị Trần Thị Ái X trình bày có 01 con chung là Dương Ngọc Xuân Y, sinh ngày 19/10/2014-giới tính: nữ; hiện đang chung sống và do chị Ái X trực tiếp nuôi dưỡng. Khi được ly hôn chị Ái X yêu cầu được trực tiếp nuôi con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Tây T cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu Xuân Y cho chị Ái X trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là hoàn toàn phù hợp; đồng thời ghi nhận việc chị Ái X không yêu cầu anh Tây T cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ái X trình bày không có tài sản chung và nợ chung; không tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị Ái X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Ái X được ly hôn đối với anh Dương Hồng Tây T.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Ngọc Xuân Y, sinh ngày 19/10/2014-giới tính: nữ cho chị Trần Thị Ái X trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận việc chị Trần Thị Ái X không yêu cầu anh Dương Hồng Tây T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Anh Dương Hồng Tây T và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con chung là cháu Dương Ngọc Xuân Y của chị Trần Thị Ái X.

- Chị Trần Thị Ái X và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Dương Hồng Tây T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Dương Ngọc Xuân Y.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Ái X trình bày không có tài sản chung và nợ chung; không tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Trần Thị Ái X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Ái X đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004706 ngày 17/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, nên chị Ái X không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. P;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Văn Vân